

Số: 14 /TB-THDL

Đoàn Lập, ngày 11 tháng 07 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và nguồn khác quý II năm 2025 của trường tiểu học Đoàn Lập

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 về công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-THDL ngày 11/07/2025 của Trường tiểu học Đoàn Lập về việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và nguồn khác quý II năm 2025 của trường tiểu học Đoàn Lập;

Trường Tiểu học Đoàn Lập thông báo về việc niêm yết công khai như sau:

1. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Thanh tra nhân dân, TKHĐ, Bảo vệ, Kế toán.

2. Địa điểm niêm yết: Bảng tin, cuộc họp hội đồng sư phạm tháng 7/2025, Website <http://thdoanlap.haiphong.edu.vn>.

3. Thời gian niêm yết: Từ ngày 11 tháng 07 năm 2025 đến hết ngày 11 tháng 08 năm 2025.

4. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 11 tháng 07 năm 2025 đến hết ngày 11 tháng 08 năm 2025.

5. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hộp thư của nhà trường (Địa chỉ: tl-thdoanlap@haiphong.edu.vn).

6. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất là 18/8/2025.

Nơi nhận:

- Bộ phận công khai;
- Lưu :VT, KT.



Vũ Thị Minh

Số: 69/QĐ-THĐL

Tân Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và
nguồn khác quý II năm 2025 của trường tiểu học Đoàn Lập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN LẬP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 về công khai
ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ
trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài
chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách
đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và nguồn khác
quý II năm 2025 của trường tiểu học Đoàn Lập;

(Theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Thời gian công khai: Từ ngày 11 tháng 07 năm 2025 đến hết ngày
11 tháng 08 năm 2025.

Điều 3. Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, Kế toán, Ban chỉ đạo thực hiện quy
chế công khai và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Minh

Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đoàn Lập, ngày 11 tháng 07 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý II năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 69/QĐ- THĐL ngày 11/07/2025 của Trường Tiểu học Đoàn Lập)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11,047,722,161	5,650,015,680	51%	
1	Nguồn ngân sách trong nước	11,047,722,161	5,650,015,680	51%	
1	Chi quản lý hành chính				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11,047,722,161	5,650,015,680	51%	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7,912,289,513	3,913,705,680	49%	



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,135,432,648	1,736,310,000	55%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

KẾ TOÁN

Bùi Thị Thủy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)
TRƯỞNG
TIỂU HỌC
ĐOÀN LẬP

Vũ Thị Minh



Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý II năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 69/QĐ- THĐL ngày 11/07/2025 của Trường Tiểu học Đoàn Lập)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	11,047,722,161	11,047,722,161	
I	Nguồn ngân sách trong nước	11,047,722,161	11,047,722,161	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11,047,722,161	11,047,722,161	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7,912,289,513	7,912,289,513	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,135,432,648	3,135,432,648	

KẾ TOÁN

Bùi Thị Thủy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Vũ Thị Minh

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN LẬP

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH
NGUỒN NGÂN SÁCH VÀ NGUỒN KHÁC QUÝ II NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 69/QĐ- THĐL ngày 11/07/2025 của Trường Tiểu học Đoàn Lập)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	Nguồn ngân sách năm 2025	
I	Thu ngân sách cấp	11,047,722,161
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	7,912,289,513
1.1	Chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn)	7,025,837,513
1.2	Thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản theo lương (đã trừ 10% tiết kiệm chi đầu năm)	886,452,000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,135,432,648
2.1	Kinh phí sửa chữa cấp bách khắc phục hậu quả sau cơn bão số 03 (Yagi) trường tiểu học Đoàn Lập năm 2024 chuyển sang	462,100,000
2.2	Kinh phí sửa chữa nhà lớp học và phụ trợ trường tiểu học Đoàn Lập	850,000,000
2.3	Kinh phí sửa chữa tiểu học Đoàn Lập và cải tạo sửa chữa trường tiểu học Đoàn Lập. Hạng mục: Nhà lớp học và phụ trợ	400,000,000
2.4	Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm Quản lý tài sản, Phần mềm quản lý cán bộ năm 2025	12,000,000
2.5	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và kinh phí học bổng cho học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2024-2025	12,210,000
2.6	Nhận dự toán quỹ khen thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	361,269,000
2.7	Nhận kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm theo Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố	1,037,853,648
II	Tổng chi ngân sách	5,650,015,680



STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm (nguồn 13)	3,913,705,680
1.1	Chi lương, phụ cấp, các khoản cố tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn)	3478813712
1.2	Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản theo lương (đã trừ 10% tiết kiệm chi đầu năm)	434.891.968
1.2.1	Chi tiền lương của Bảo vệ lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022	36356800
1.2.2	Tiền thưởng	14.978.000
1.2.3	Phúc lợi tập thể	69.225.000
1.2.4	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.200.000
1.2.5	Văn phòng phẩm	11.680.000
1.2.6	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	46.740.000
1.2.7	Khoản văn phòng phẩm	8.150.000
1.2.8	Vật tư văn phòng khác	13.895.000
1.2.9	Chi thuê bao Cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	3.234.000
1.2.10	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	2.477.800
1.2.11	Khoản công tác phí	9.600.000
1.2.12	Chi thuê lao động dọn vệ sinh sân trường, khu hiệu bộ, nhà vệ sinh	37.408.000
1.2.13	Sửa chữa, duy tu tài sản các thiết bị công nghệ thông tin	15.028.000
1.2.14	Sửa chữa, duy tu tài sản đường điện, cấp thoát nước	13.365.000
1.2.15	Sửa chữa, duy tu tài sản các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	39.150.070
1.2.16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	102.178.998
1.2.17	Chi các khoản phí và lệ phí	2.225.300
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,736,310,000
2.1	Kinh phí sửa chữa cấp bách khắc phục hậu quả sau cơn bão số 03 (Yagi) trường tiểu học Đoàn Lập năm 2024 chuyển sang	462.100.000
2.2	Kinh phí sửa chữa nhà lớp học và phụ trợ trường tiểu học Đoàn Lập	850.000.000

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
2.3	Kinh phí sửa chữa tiểu học Đoàn Lập và cải tạo sửa chữa trường tiểu học Đoàn Lập. Hạng mục: Nhà lớp học và phụ trợ	400,000,000
2.4	Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm Quản lý tài sản, Phần mềm quản lý cán bộ năm 2025	12,000,000
2.5	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và kinh phí học bổng cho học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2024-2025	12,210,000
III	TÒN NGÂN SÁCH CẤP	5,397,706,481
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	3,998,583,833
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,399,122,648
2.6	Nhận dự toán quỹ khen thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	361,269,000
2.7	Nhận kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm theo Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố	1,037,853,648
B	THU KHÁC TẠI ĐƠN VỊ	
B.1	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	0
2	Tổng thu.	210,707,000
3	Tổng chi.	210,707,000
3.1	Chi Quản lý ban giám hiệu, quản lý quỹ, phục vụ, bảo vệ	37,927,260
3.2	Chi giáo viên giảng dạy trực tiếp, quản lý lớp chủ nhiệm	153,816,110
3.3	Chi cơ sở vật chất, hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ	16,395,890
3.4	Chi nộp Thuế nhà nước	2,567,740
4	Tồn đến 30/6/2025	0
B.2	Vòng tay bè bạn	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	1,168,000
2	Tổng thu.	0
3	Tổng chi	1,168,000
3.1	Chi hoạt động đội, khen thưởng	1,168,000
4	Tồn đến 30/6/2025	0



 TRƯỞNG

 TIỂU

 ĐOÀN

 7/7

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
B.3	Dịch vụ trông giữ xe cho học sinh	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	1.698.000
2	Tổng thu.	7.500.000
3	Tổng chi.	7.014.000
3.1	Chi hỗ trợ bảo vệ trông coi xe	5.250.000
3.2	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất nhà xe	1.278.000
3.3	Chi nộp Thuế Nhà nước	486.000
4	Tồn đến 30/6/2025	0
B.4	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	1.646.730
2	Tổng thu.	41.267.070
3	Tổng chi	13.930.230
4	Tồn đến 30/6/2025	28.983.570
B.5	Bảo hiểm y tế học sinh	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	5.137.020
2	Tổng thu	
3	Tổng chi	5.137.020
3.1	Chuyển tiền mua bảo hiểm y tế cho học sinh năm 2025	5.137.020
4	Tồn đến 30/6/2025	0
B.6	Phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	7.497.125
2	Tổng thu.	143.568.750
3	Tổng chi.	151.065.875
3.1	Chi quản lý ban giám, quản lý quỹ, bảo vệ, quản lý lớp chủ nhiệm	34.456.500
3.2	Chi giáo viên trực tiếp chăm trẻ	100.498.125
3.3	Chi nộp thuế Nhà nước	2.871.375
3.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất bán trú	13.239.875
4	Tồn đến 30/6/2025	0

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
B.7	Phục vụ hoạt động ăn bán trú cho cá nhân học sinh	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	25,438,000
2	Tổng thu.	0
3	Tổng chi.	25,438,000
3.1	Chi mua đồ dùng, vật tư bán trú phục vụ bán trú	25,438,000
4	Tồn đến 30/6/2025	0
B.8	Tiền ăn bán trú	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	0
2	Tổng thu.	619,504,000
3	Tổng chi.	619,504,000
3.1	Chi mua suất ăn cho học sinh từ công ty cung cấp thực phẩm	619,504,000
4	Tồn đến 30/6/2025	0
B.9	Tiền khác	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	3,458,749
2	Tổng thu.	38,966,500
3	Tổng chi.	40,687,100
3.1	Chi hoàn trả học sinh do chuyển tiền học lỗi hệ thống nộp thừa tiền qua Misa thu tiền ngân hàng	2,887,100
3.2	Chuyển trả tiền hoạt động trải nghiệm năm học 2024-2025	37,800,000
4	Tồn đến 30/6/2025	1,738,149
B.10	Học thêm Tiếng Anh với giáo viên nước ngoài	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	3,095,218
2	Tổng thu.	110,635,000
3	Tổng chi.	113,730,218
3.1	Chi quản lý ban giám hiệu, quản lý quỹ, quản lý lớp chủ nhiệm	14,382,550
3.2	Chi trả học phí cho công ty	92,933,400
3.3	Chi nộp thuế Nhà nước	354,032
3.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất	6,060,236
4	Tồn đến 30/6/2025	0

INH
ÔNG
HỌ
N L

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
B.11	Học thêm kĩ năng sống	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	1.112.682
2	Tổng thu.	33.530.000
3	Tổng chi.	34.642.682
3.1	Chi quản lý ban giám hiệu, quản lý quỹ	4.190.650
3.2	Chi trả học phí cho công ty liên kết	28.165.200
3.3	Chi nộp thuế Nhà Nước	107.296
3.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất	2.179.536
4	Tồn đến 30/6/2025	0
B.12	Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ ngày.	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	36.990.281
2	Tổng thu.	47.987.500
3	Tổng chi.	84.977.781
3.1	Hỗ trợ tiền điện thấp sáng phục vụ học 2 buổi/ ngày	22.228.756
3.3	Chi mua máy soi vật thể và sửa chữa tivi, bàn ghế, quạt các phòng học	62.749.025
4	Tồn đến 30/6/2025	0
B.13	Lãi ngân hàng, kho bạc	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	264.100
2	Tổng thu.	88.900
3	Tổng chi.	184.800
3.1	Chi phí quản lý tài khoản ngân hàng, phí chuyển tiền qua Ngân hàng, Kho bạc	184.800
4	Tồn đến 30/6/2025	168.200

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
B.14	Khen thưởng	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	0
2	Tổng thu.	5,382,000
2.1	Nhận khen thưởng tập thể lao động tiên tiến có thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2024-2025. Theo QĐ 2282/QĐ-UBND, QĐ 2772/QĐ-UBND của UBND huyện	1,872,000
2.2	Nhận khen thưởng tập thể lao động Xuất sắc của UBND thành phố phong trào thi đua ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2024-2025. Theo QĐ 1826/QĐ-UBND, của UBND Thành phố Hải Phòng	3,510,000
3	Tổng chi.	0
4	Tồn đến 30/6/2025	5,382,000
B.15	Nước uống học sinh	
1	Tồn 31/3/2025 chuyển sang	
2	Tổng thu.	33,000,000
3	Tổng chi	33,000,000
3.1	Chi tiền nước uống học sinh học kỳ II năm học 2024-2025	33,000,000
4	Tồn đến 30/6/2025	0

Đoàn Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2025

KẾ TOÁN



Bùi Thị Thuỷ



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Minh

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Mã ĐVQHNS: 1052055

Mã cấp NS: 3

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 30/06/2025 15:47:53
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 4 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực III
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	462.100.000	1.274.210.000	2.312.063.648	2.312.063.648	2.774.163.648	1.736.310.000	1.736.310.000	1.149.560.000	0	0	1.037.853.648
13	072	00000	0	7.912.289.513	114.626.513	7.912.289.513	7.912.289.513	2.092.605.481	3.913.705.680	0	0	0	3.998.583.833
18	072	00000	0	361.269.000	361.269.000	361.269.000	361.269.000	0	0	0	0	0	361.269.000
Cộng:			462.100.000	9.547.768.513	2.787.959.161	10.585.622.161	11.047.722.161	3.828.915.481	5.650.015.680	1.149.560.000	0	0	5.397.706.481
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Quynh50 Dao Xuan

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 30/06/2025 15:47:53
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Bùi Thị Thủy
Ngày ký: 30/06/2025 15:34:48
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Người ký: Vũ Thị Minh
Ngày ký: 30/06/2025 15:39:35
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Mã ĐVQHNS: 1052055

Mã cấp NS: 3

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 30/06/2025 15:48:02
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 4 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực III
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	072	6157	00000	0	0	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000
Nhà cửa	12	072	6907	00000	0	0	1.712.100.000	1.712.100.000	1.712.100.000	1.712.100.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	072	6912	00000	0	0	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	914.629.483	1.809.237.224	914.629.483	1.809.237.224
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	20.355.600	35.235.600	20.355.600	35.235.600
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	14.040.000	28.431.000	14.040.000	28.431.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	072	6105	00000	0	0	166.655.496	166.655.496	166.655.496	166.655.496
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	072	6107	00000	0	0	1.404.000	2.808.000	1.404.000	2.808.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	310.066.029	615.979.728	310.066.029	615.979.728
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	2.106.000	4.212.000	2.106.000	4.212.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	175.834.336	340.192.192	175.834.336	340.192.192
Thưởng khác	13	072	6249	00000	0	0	14.978.000	14.978.000	14.978.000	14.978.000
Chi khác	13	072	6299	00000	0	0	45.075.000	69.225.000	45.075.000	69.225.000
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	191.254.512	376.254.733	191.254.512	376.254.733
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	33.750.797	66.397.895	33.750.797	66.397.895
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	22.144.832	36.567.698	22.144.832	36.567.698

Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	11.250.266	22.132.632	11.250.266	22.132.632
Các khoản đóng góp khác	13	072	6349	00000	0	0	5.625.132	11.066.314	5.625.132	11.066.314
Chi khác	13	072	6549	00000	0	0	0	9.200.000	0	9.200.000
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	4.965.000	11.680.000	4.965.000	11.680.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	072	6552	00000	0	0	30.840.000	46.740.000	30.840.000	46.740.000
Khoản văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	3.300.000	8.150.000	3.300.000	8.150.000
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	4.295.000	13.895.000	4.295.000	13.895.000
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	1.650.000	3.234.000	1.650.000	3.234.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	072	6608	00000	0	0	2.477.800	2.477.800	2.477.800	2.477.800
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	4.800.000	9.600.000	4.800.000	9.600.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	23.208.000	37.408.000	23.208.000	37.408.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	15.028.000	15.028.000	15.028.000	15.028.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	072	6921	00000	0	0	5.225.000	13.365.000	5.225.000	13.365.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	072	6949	00000	0	0	0	39.150.070	0	39.150.070
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	072	7001	00000	0	0	41.041.998	43.801.998	41.041.998	43.801.998
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	24.502.000	58.377.000	24.502.000	58.377.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	072	7756	00000	0	0	2.103.200	2.225.300	2.103.200	2.225.300
Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)	12	072	6151	00000	0	0	9.360.000	9.360.000	9.360.000	9.360.000
Cộng:					0	0	3.828.915.481	5.650.015.680	3.828.915.481	5.650.015.680
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Quynh50 Dao Xuan

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 30/06/2025 15:44:02
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giáo dục số 4 - Khoa Bạc Núi nước Khoa vục III

Nguyễn Đức Hùng

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

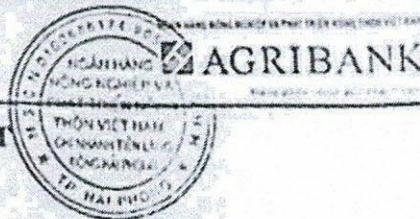
Người ký: Bùi Thị Thủy
Ngày ký: 30/06/2025 15:44:54
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Người ký: Vũ Thị Minh
Ngày ký: 30/06/2025 15:44:03
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Bùi Thị Thủy

Vũ Thị Minh

Chi nhánh: Agribank Chi nhánh Tiên Lãng Đông Hải Phòng
Địa chỉ: Khu II - TT Tiên Lãng - H. Tiên Lãng - Hải Phòng
Điện thoại/Fax: 1/1



SỐ PHỤ / STATEMENT

Tên khách hàng / Customer name: Trường Tiểu Học Đoàn Lập

Địa chỉ / Address: Xã Đoàn Lập Tiên Lãng Hải Phòng 02253883059

Ngày in / Print out date: 10/07/2025

Loại tiền / Ccy: VND

Loại tiền gửi / DP Kind: Tiền gửi không kỳ hạn

Tài khoản đồng sở hữu / Joint A/C: No

Số tài khoản / A/C No: 2106201005820

Tình trạng tài khoản / A/C status: Active

Ngày phát sinh trước / Prior Statement: 31/05/2025

30,906,819 Doanh số nợ tháng / Monthly less debit: 22,000

Số dư cuối ngày / Ending balance: 30/06/2025

30,889,919 Doanh số có tháng / Monthly plus credit: 5,100

Ổ bút toán/Doanh số nợ / Less debit: 1

22,000 Doanh số nợ năm / Annual less debit: 2,644,617,182

Ổ bút toán/Doanh số có / Plus credit: 1

5,100 Doanh số có năm / Annual plus credit: 2,576,759,401

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref no
5/06/2025	Thu phí quản lý tài khoản tháng 06 quý 2 năm 2025	22,000		30,884,819	
0/06/2025	Lãi tiền gửi		5,100	30,889,919	

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 6 Năm 2025

Tên đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Mã ĐVQHNS: 1052055

Địa chỉ: Đoàn Lập, Tiên Lãng, Hải Phòng

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3713.0.1052055.00000			
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	5.382.000			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	5.382.000			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

Quynh50 Dao Xuan

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 30/06/2025 15:07:32
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III

Nguyễn Đức Hùng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Bùi Thị Thủy
Ngày ký: 30/06/2025 14:31:47
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Bùi Thị Thủy

Người ký: Vũ Thị Minh
Ngày ký: 30/06/2025 15:02:32
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Vũ Thị Minh